

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2015**



*Đồng Nai, tháng 04 năm 2016*

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>3</b>
<b>1. Thông tin khái quát</b> .....	<b>3</b>
<b>2. Quá trình hình thành và phát triển</b> .....	<b>3</b>
2.1. Lịch sử hình thành Công ty .....	3
2.2. Quá trình phát triển.....	3
2.3. Quá trình cổ phần hóa và niêm yết .....	4
2.4. Các thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua .....	4
<b>3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</b> .....	<b>5</b>
<b>4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</b> .....	<b>5</b>
<b>5. Định hướng phát triển</b> .....	<b>6</b>
<b>6. Các rủi ro</b> .....	<b>7</b>
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>8</b>
<b>1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</b> .....	<b>8</b>
<b>2. Tình hình tài chính</b> .....	<b>10</b>
2.1. Tình hình tài chính .....	10
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	10
<b>3. Tổ chức và nhân sự</b> .....	<b>11</b>
<b>4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</b> .....	<b>12</b>
<b>5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....	<b>13</b>
5.1. Cổ phần .....	13
5.2. Cơ cấu cổ đông .....	14
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	14
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	14
5.5. Các chứng khoán khác.....	14
<b>6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty</b> .....	<b>14</b>
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	14
6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	14
6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường .....	14
6.4. Chính sách liên quan đến người lao động .....	15
6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .....	15
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>16</b>

<b>1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....</b>	<b>16</b>
<b>2. Tình hình tài chính.....</b>	<b>18</b>
2.1.    Tình hình tài sản .....	18
2.2.    Tình hình nợ phải trả .....	18
<b>3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....</b>	<b>18</b>
<b>4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....</b>	<b>19</b>
<b>5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán .....</b>	<b>19</b>
<b>6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty .....</b>	<b>19</b>
6.1.    Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường .....	19
6.2.    Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động .....	19
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 20</b>	
<b>1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....</b>	<b>20</b>
<b>2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty .....</b>	<b>22</b>
<b>3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....</b>	<b>22</b>
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>23</b>
<b>1. Hội đồng quản trị .....</b>	<b>23</b>
1.1.    Thành viên Hội đồng quản trị .....	23
1.2.    Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	23
1.3.    Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	23
1.4.    Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.....	24
<b>2. Ban Kiểm soát.....</b>	<b>24</b>
2.1.    Thành viên của Ban kiểm soát .....	24
2.2.    Hoạt động của Ban kiểm soát.....	24
<b>3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát .....</b>	<b>25</b>
3.1.    Lương, thưởng, thù lao .....	25
3.2.    Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ .....	25
3.3.    Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.....	25
3.4.    Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty .....	25
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>26</b>

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600642822 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/07/2014
- Vốn điều lệ: 159.988.920.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 159.988.920.000 VNĐ
- Địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 0613836156 – 0613836159
- Số fax: 0613836166
- Website: <http://www.netcovn.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NET

### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

#### **2.1. Lịch sử hình thành Công ty:**

Công ty cổ phần Bột giặt NET có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty, được xây dựng từ năm 1968 cho đến năm 1972 mới hoàn thành đưa vào sản xuất. Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty có văn phòng chính tại số nhà 38 đường Nguyễn Trãi, phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và có cơ xưởng tại đường số 8, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.

Vốn hình thành nhà máy do một nhóm cổ đông góp vốn tạo dựng lên. Công suất thiết kế là 5.800 tấn sản phẩm/năm. Lúc mới thành lập, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty đã cho một số thành viên trong công ty sang nước cộng hòa Pháp học cách làm xà bông bột. Sau khi trở về nước, những thành viên này lấy tên thương hiệu là NET. NET chính là tên viết tắt của chữ “NETOYER” nghĩa là giặt rửa, logo của công ty có hình là núi tuyết vì nhà máy được xây dựng trên khu đồi núi được san lấp nhưng chưa bằng phẳng, núi này được bao phủ bằng lớp tuyết trắng phản ánh sự trắng sạch của Bột giặt. Cho đến nay khi quảng bá về Bột giặt chưa có công ty nào bỏ qua hình ảnh trắng sạch này.

Kể từ ngày thành lập cho đến năm 1975 Công ty được quản lý dưới dạng tư sản tư nhân, sản lượng làm ra không quá 1.000 tấn sản phẩm/năm.

#### **2.2. Quá trình phát triển:**

Vào năm 1975 khi Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trưng mua, chuyển tên gọi từ Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty thành Nhà máy quốc doanh Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc công ty Bột giặt Miền Nam.

Năm 1990 nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.

Năm 1992, nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng và tiến hành đăng ký lại theo quyết định của Bộ công nghiệp nặng.

Cũng vào năm này, được sự chấp thuận của Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng, công ty đã nhận lại Nhà máy Mỹ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET từ số 39 Phó cơ Điều, phường 12, quận 5, TP.Hồ chí Minh về số 617 – 629 bến Bình Đông, phường 13, quận 8, TP.Hồ chí Minh.

Năm 2000, Công ty khánh thành chi nhánh NET tại km 01 đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, thủ đô Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm.

### **2.3. Quá trình cổ phần hóa và niêm yết**

– Ngày 11 tháng 4 năm 2003 Bộ Công nghiệp có quyết định số 50/2003/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa công ty Bột giặt NET.

– Ngày 01 tháng 7 năm 2003 công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Bột giặt NET với số vốn điều lệ là 22 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/7/2003.

– Năm 2007 công ty tăng thêm vốn điều lệ 11 tỷ được trích từ lợi nhuận và quỹ đầu tư, nâng vốn điều lệ của Công ty từ 22 tỷ lên 33 tỷ.

– Tháng 4/2009 Công ty nâng vốn từ 33 tỷ lên thành 39,6 tỷ nguồn hình thành cũng từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển.

– Ngày 31/12/ 2009 Công ty tăng vốn điều lệ 5,4 tỷ để nâng vốn từ 39,6 tỷ thành 45 tỷ.

– Ngày 24 tháng 4 năm 2010 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội.

– Ngày 15 tháng 9 năm 2010 Công ty chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

– Ngày 28/09/2011, Công ty nâng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 79.994.460.000 đồng.

– Ngày 15/07/2014, Công ty tiếp tục nâng vốn điều lệ từ 159.988.920.000 đồng.

### **2.4. Các thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua**

- Năm 2005: Cờ thi đua Chính phủ
- Năm 2006: Huân chương lao động hạng nhì.
- Năm 2007: Bằng khen của Bộ Công thương
- Năm 2008, 2010, 2015: Cờ đi thua của Bộ Công thương
- Năm 2009: Cờ thi đua chính phủ; Cờ thi đua của Bộ Công thương.
- 2008, 2009, 2011, 2014: Thương hiệu Việt.

- Từ 2008 - 2016: Hàng Việt Nam Chất lượng cao

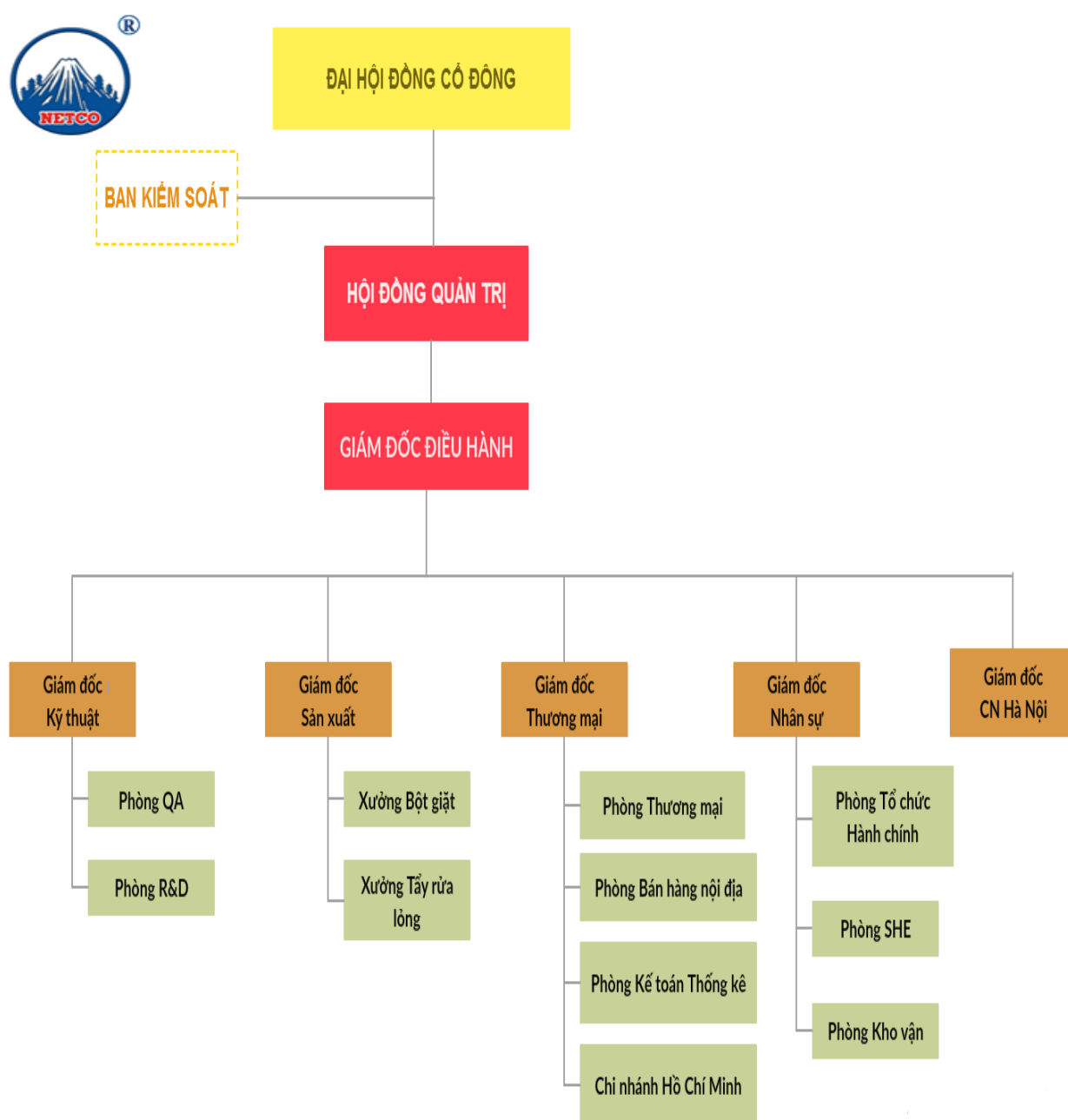
### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất mua bán chất tẩy rửa mỹ phẩm và vật tư liên quan đến sản xuất mỹ phẩm. Mua bán các loại vật tư hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh). Cho thuê kho nhà xưởng văn phòng. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh khách sạn nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh) sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở). Bổ sung vận tải hàng hóa đường bộ.

– Địa bàn kinh doanh: trong nước và xuất khẩu.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– *Mô hình quản trị tại NETCO:*



Hình 1: Mô hình quản trị của NETCO

– Cơ cấu bộ máy quản lý:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Ghi chú
<b>I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1	Phạm Quang Hòa	Chủ tịch	Là CT HĐQT từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 29/01/2016
2	Phan Văn Tiền	Chủ tịch	Là CT HĐQT từ 29/01/2016
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	
4	Lê Ngọc Quang	Ủy viên	Không còn là TV HĐQT từ 25/04/2015
5	Lương Thị Anh Đào	Ủy viên	Là TV HĐQT từ 25/04/2015
6	Thái Thị Hồng Yến	Ủy viên	
7	Lê Văn Bách	Ủy viên	
<b>II BAN KIỂM SOÁT</b>			
1	Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	
2	Lê Thị Tường Vân	Thành viên	
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên	
<b>III BAN GIÁM ĐỐC</b>			
1	Phạm Quang Hòa	Giám đốc Điều hành	
2	Thái Thị Hồng Yến	Giám đốc Thương mại	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Nhân sự	
4	Phạm Quốc Cường	Giám đốc Sản xuất	
5	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Kỹ thuật	

Bảng 1: Bộ máy quản lý của NETCO

**5. Định hướng phát triển:**

➤ Các mục tiêu chủ yếu của công ty trong năm 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	135.000
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	135.000
3	Doanh thu	Tỷ đồng	800
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80

Bảng 2: Các chỉ tiêu chủ yếu của công ty trong năm 2015

➤ Chiến lược trung và dài hạn:

Năm 2015 là năm cuối cùng của nhiệm kỳ 5 năm (2011- 2016). Trong nhiệm kỳ vừa qua, thực hiện định hướng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã triển khai các hoạt động hướng tới:

– Hợp lý hóa sản xuất để đạt được mức chi phí sản xuất thấp nhất trong điều kiện thực tế của NET.

– Đa dạng hóa sản phẩm thuộc ngành hàng homecare. Kế hoạch triển khai được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở dữ liệu nghiên cứu nhu cầu của người tiêu dùng từ cao đến thấp.

– Tăng giá trị trong kết cấu công thức các sản phẩm mang thương hiệu của NET, hướng tới việc định vị thương hiệu NET có chất lượng tốt, giá cả hợp lý.

– Mở rộng đối tượng khách hàng để phục vụ, không giới hạn là khách hàng nội địa hay xuất khẩu, khách hàng tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của NET hay khách hàng có nhu cầu gia công nhãn riêng.

– Trở thành nhà sản xuất lớn ngành hàng chất tẩy rửa/Homecare tại Việt Nam.

Chiến lược của những năm sắp tới sẽ được xác định bởi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2016 -2021).

## **6. Các rủi ro**

### **➤ Các rủi ro môi trường kinh tế, chính trị :**

– Tình hình chính trị bất ổn trong khu vực và tranh chấp biển Đông có thể làm ảnh hưởng bất lợi đến nguồn nguyên liệu đầu vào của một số nguyên liệu thô (không phải nguyên liệu chính) và một số thị trường xuất khẩu truyền thống của NETCO.

– Một trong những rủi ro cần lưu ý là biến động về tỷ giá giữa đồng nội tệ và đồng đô la Mỹ. Trong năm 2015, tổng giá trị nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu chiếm gần 45 % trên giá vốn hàng bán của NET. Trong trường hợp doanh thu đến từ xuất khẩu nhỏ hơn 45% giá vốn hàng bán, đồng nội tệ yếu đi sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

– Ngoài ra, sự thay đổi nhanh chóng với biên độ rộng của giá dầu thế giới cũng làm ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào và công tác dự báo giá của NETCO.

– Để hạn chế tối đa ảnh hưởng của các yếu tố trên, công ty cần đa dạng nguồn nguyên liệu đầu vào từ nhiều quốc gia, hạn chế tối đa nhập khẩu từ các nước đang có nguy cơ tiềm ẩn từ xung đột biển Đông, tăng cường hoạt động xuất khẩu và có các dự báo tốt về thị trường ngoại hối cũng như giá dầu để có chính sách tài chính và kinh doanh phù hợp.

### **➤ Rủi ro đặc thù:**

– Nhà máy hiện tại của công ty ở KCN Biên Hòa hiện đã quá cũ và mặt bằng chật chội nên việc đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả, hàng hóa đầu vào và đầu ra thông suốt là một vấn đề cần quan tâm hàng đầu.



– Trong năm 2015, Ban lãnh đạo NETCO tiếp tục thực hiện các biện pháp chính sách về an toàn đã mang lại hiệu quả tốt cho Công ty trong thời gian vừa qua đồng thời phát huy sáng kiến trong tập thể CBCNV công ty để có những biện pháp hay, hữu ích hơn nữa.

– Khi di dời đến nhà máy mới tại Lộc An - Bình Sơn, vấn đề rủi ro về an toàn khi lưu thông trong khuôn viên nhà máy sẽ được ngăn ngừa tối đa.

➤ **Rủi ro về cạnh tranh và khách hàng:**

– Tại thị trường nội địa: Cùng với chính sách mở cửa của Việt Nam và sự tham gia vào một số các hiệp định thương mại, thị trường homecare Việt Nam ngày càng có sự tham gia nhiều hơn của các nhãn hàng nước ngoài. Xu hướng (M&A) mua bán, sáp nhập, chuyển nhượng hệ siêu các chuỗi siêu thị lớn về tay một số ông chủ người Thái Lan sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy nhập khẩu hàng Thái lan và các nước khác vào Việt Nam. Xuất hiện thêm một số các nhà sản xuất nội địa ngành hàng chất tẩy rửa mới. Cùng với sự thay đổi nhanh chóng về thị hiếu và sở thích, người tiêu dùng có nhiều sự lựa chọn hơn khi mua hàng. Tất cả những yếu tố trên làm tăng sức cạnh tranh trên thị trường bán buôn và bán lẻ tại Việt Nam.

– Tại thị trường xuất khẩu: Chi phí nhân công ngày càng tăng sẽ làm mất dần lợi thế giá rẻ của sản phẩm tẩy rửa Việt nam so với một số các quốc gia khác.

– Để hạn chế rủi ro này, NETCO luôn thực hiện cải tiến công nghệ, đào tạo nâng cao tay nghề của người lao động trực tiếp sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực quản lý cũng như đội ngũ bán hàng, tăng cường marketing và nghiên cứu thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

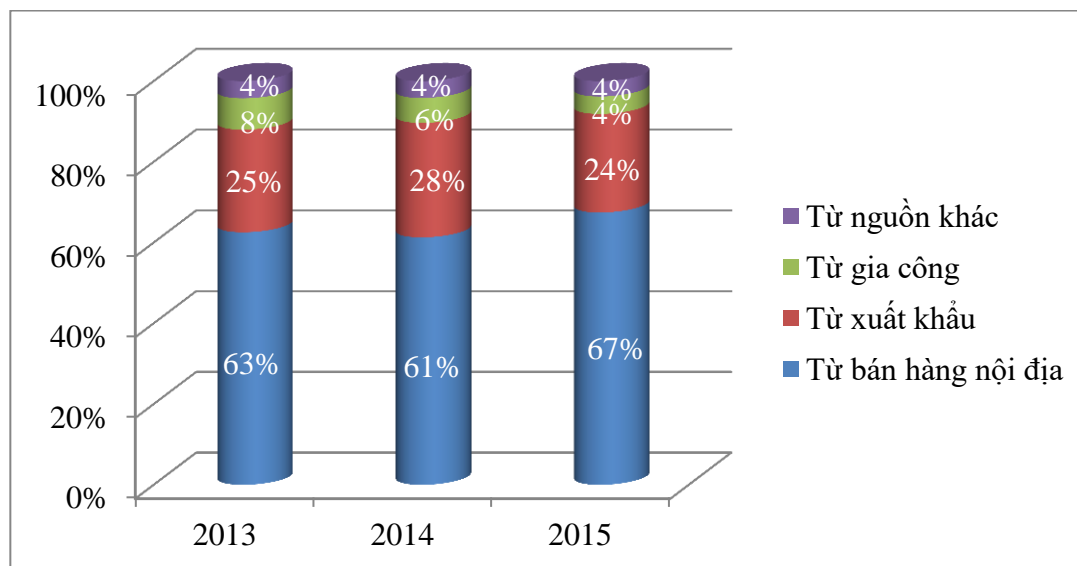
### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Từ bán hàng nội địa	Tỷ đồng	452.1	464.7	529
Từ xuất khẩu	Tỷ đồng	183.6	215	191.5
Từ gia công	Tỷ đồng	56.2	46.8	34
Từ nguồn khác	Tỷ đồng	30.7	31.6	29.8
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>722.6</b>	<b>758.1</b>	<b>784.3</b>

*Bảng 3: Doanh thu theo mảng kinh doanh 3 năm gần đây*

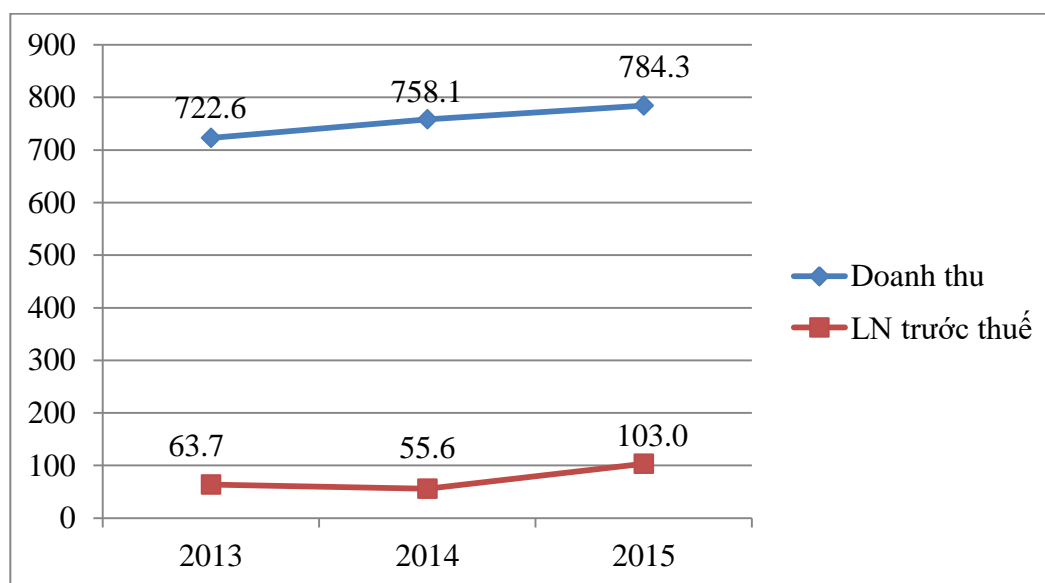
*Ghi chú: Số liệu doanh thu 2014 dùng để so sánh là doanh thu loại trừ khoản khuyến mại sản phẩm.*

Doanh thu năm 2015 của NETCO đạt 784,3 tỷ đồng bằng 103% so với năm 2014. Trong 4 mảng kinh doanh thì chỉ có mảng Bán hàng nội địa là tăng mạnh so với 2014, ba mảng kinh doanh còn lại đều giảm, trong đó mảng Gia công có mức giảm nhiều nhất (giảm 27%).



Hình 2: Tỷ trọng doanh thu theo mảng kinh doanh 3 năm gần đây

Hình 2 cho thấy tỷ trọng của các mảng kinh doanh trong 3 năm gần đây của NETCO. Số liệu cho thấy xu hướng tăng tỷ trọng của mảng Bán hàng nội địa trong cơ cấu doanh thu của NETCO, điều này là do NETCO đã và đang rất chú trọng đầu tư phát triển sản phẩm, con người, hệ thống phân phối trong thị trường nội địa. Mảng Gia công có tỷ trọng liên tục giảm qua các năm do sản lượng và giá gia công giảm. Trong khi đó mảng Xuất khẩu và Khác có xu hướng giữ nguyên về giá trị tuyệt đối nhưng về tỷ trọng thì nhìn chung có xu hướng giảm.



Hình 3: Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế trong 3 năm gần đây

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 của NETCO đạt 103 tỷ đồng, tăng 85% so với năm 2014. Bên cạnh việc quản lý tốt các hoạt động trong sản xuất và kinh doanh thì sự tăng trưởng lợi nhuận đến khá nhiều từ việc tận dụng tốt giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển giảm trong năm 2015 do giá dầu thế giới giảm mạnh.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	314.3	371.9	18%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	758.1	784.3	3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	52.7	102.9	95%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	2.9	0.1	-96%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55.6	103.0	85%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46.3	86.8	87%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	20%	20%	0%

*Bảng 4: Tình hình tài chính 2015*

Tổng giá trị tài sản của NETCO 2015 tăng 18% so với 2014, Doanh thu tăng 2% nhưng nhờ tỷ lệ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu tăng mạnh so với 2014 (13,13% so với 6,56%) cho nên Lợi nhuận của NETCO tăng mạnh.

### 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
❖ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,45	2,52	
❖ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,74	1,93	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
❖ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,21%	24,04%	
❖ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	35,51%	31,65%	

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
❖ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	9,65	10,60	
❖ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,56	2,11	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
❖ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,76%	11,06%	
❖ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,97%	30,72%	
❖ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,74%	23,34%	
❖ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh	%	6,56%	13,13%	

*Bảng 5: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

– **Về chỉ tiêu về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh đều được cải thiện trong năm 2015 và cả 2 chỉ số này đều nằm ở mức tốt khi lần lượt ở mức 2,5 lần và gần 2 lần. Điều này chứng tỏ công ty có khả năng thanh toán tốt các khoản nợ ngắn hạn.

– **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2015 giảm so với 2014 (lần lượt 2% và 4%) và chỉ nằm ở mức thấp (khoảng 30%). Điều này cho thấy NETCO là doanh nghiệp có khả năng tự chủ tài chính cao, ít phụ thuộc vào các khoản vay.

– **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Vòng quay hàng tồn kho năm 2015 tăng 1 lần so với 2014 (10,6 so với 9,65) cho thấy công tác quản lý hàng tồn kho của Công ty đã được cải thiện tốt hơn. Doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2015 giảm so với 2014 do tốc độ tăng tổng tài sản nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu, một đồng tài sản năm 2015 tạo ra 2,11 đồng doanh thu.

– **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** với kết quả kinh doanh rất tốt trong 2015, tất cả hệ số sinh lời của NETCO tăng khoảng gấp đôi so với 2014. Trong đó, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2015 đạt 30,72%, đây là mức khá cao trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn trong năm 2015.

### **3. Tổ chức và nhân sự**

– **Danh sách Ban điều hành:**

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Phạm Quang Hòa	GĐĐH	Là TV HĐQT từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 29/1/2016	- Từ đầu nhiệm kỳ đến 29/1/2016: đại diện 21%. - Từ 29/1/2016, đại diện 6%	
2	Phan Văn Tiền	CT HĐQT	Là TV HĐQT từ 29/1/2016	Đại diện 15% từ 29/01/2016	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	UV HĐQT-GĐNS		Đại diện 15%	
4	Lương Thị Anh Đào	UV HĐQT	Là TV HĐQT từ 25/4/2015	Đại diện 15%	
5	Lê Ngọc Quang	UV HĐQT	Không còn là TV HĐQT từ 25/4/2015	14.269	0,089%
6	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT-GĐTM		80.802	0,505%
7	Lê Văn Bách	UV HĐQT		0	0%
8	Nguyễn Thiện Nhân	TBKS		0	0%
9	Lê Thị Tường Vân	UV BKS		625.338	3,908%
10	Nguyễn Thị Hồng Châu	UV BKS		1.314	0,0082%
11	Trần Thị Ái Liên	KTT		20.252	0,126%

*Bảng 6: Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành*

**– Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã thông qua việc bà Lương Thị Anh Đào thay ông Lê Ngọc Quang là UV HĐQT của Công ty Cổ phần Bột giặt NET kể từ ngày 25/4/2015.

- Căn cứ nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-NET/2016 ngày 29/1/2016 của HĐQT Công ty Cổ phần Bột giặt NET, ông Phan Văn Tiền thay thế ông Phạm Quang Hòa là TV HĐQT và giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 29/1/2016.

– **Số lượng cán bộ, nhân viên:** số lượng lao động của NETCO năm 2015 là 634 người

**4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

– **Dự án nhà máy mới tại Lộc An -Bình Sơn:**



- Tháng 4/2015, công ty triển khai khởi công xây dựng nhà máy mới tại Lộc An - Bình Sơn với công suất thiết kế 100.000 tấn bột giặt/năm và 60.000 tấn tẩy rửa lỏng/năm. Nhà máy này được xây dựng với định hướng thiết kế về cấu trúc cơ sở hạ tầng và công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Việt Nam và các nước trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương đến 2035. Tổng số vốn đầu tư theo dự toán là 375.000.000.000 đ (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng Việt nam - bao gồm cả thuế VAT).
- Tính đến ngày 31/12/2015, số tiền giải ngân cho công trình này là 54.300.000.000 (Năm mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng), chiếm tỷ lệ 15,51% tổng dự toán. Theo báo cáo của Ban dự án, công trình đang được thực hiện đúng tiến độ thời gian cho từng gói thầu. Chất lượng công trình và vấn đề an toàn trong thi công được kiểm soát tốt.
- Dự kiến, công trình sẽ được hoàn thành vào cuối quý 4/2016 - đầu quý 1/2017.

- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty chưa thực hiện xây dựng mô hình công ty con cũng như các hoạt động liên kết với đối tác nào.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

STT	Cổ phần	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần	15.998.892	
2	Cổ phần đang lưu hành		Phổ thông
+	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	15.998.892	
+	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	

Bảng 7: Cổ phần

## 5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Cổ đông lớn	65.51%	
2	Cổ đông nhỏ	34.49%	
3	Cổ đông tổ chức	73.84%	
4	Cổ đông cá nhân	26.16%	
5	Cổ đông trong nước	76.34%	
6	Cổ đông nước ngoài	23.66%	

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông

**Ghi chú:** số liệu tính tại thời điểm 21/12/2015.

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** NETCO không tiến hành tăng vốn cổ phần trong năm.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý nguồn vật tư, nguyên liệu, bao bì đầu vào. Các nguyên liệu, vật tư, bao bì đầu vào đều được tuyển chọn từ các nhà cung cấp uy tín và có nguồn gốc xuất xứ, rõ ràng. MSDS (Material Safety Data Sheet) là một yêu cầu bắt buộc ngay từ bước thử nghiệm nguyên liệu mới và được sử dụng cho mục đích đánh giá độ an toàn của nguyên liệu đó với con người và môi trường. Danh mục các nhà cung cấp được đánh giá hàng năm dựa trên các KPIs của năm trước đó. Tiêu chuẩn tuân thủ pháp luật và môi trường của nhà cung cấp là một trong những yếu tố quan trọng được đưa vào đánh giá.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Công ty đã thực hiện các chương trình phát huy sáng kiến để tiết kiệm năng lượng, giảm giá thành thông qua việc triển khai rộng khắp các hoạt động
- Kaizen, TPM tại các tổ, nhóm, đội. Tiết kiệm năng lượng được công ty định nghĩa là tiết kiệm điện trong sản xuất và sinh hoạt, nhiên liệu.

### 6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

– Công ty đã tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường. Việc xử lý, thu gom nước thải được quản lý tốt, giao trách nhiệm rõ ràng cho người thực hiện. Một trong những ưu tiên hàng đầu của NET là xây dựng hình ảnh một công ty NET thân thiện, có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Điều này được thể hiện rất rõ trong kết cấu công thức sản phẩm của NET. Nguyên liệu Zeolite được đưa vào sử dụng thay thế cho STPP

(Sodium Tripoly Phosphate) từ những năm 2007. Đây là nguyên liệu thân thiện với môi trường, góp phần làm giảm ô nhiễm nguồn nước thải.

– Ngoài ra, công ty còn thực hiện các chương trình tìm kiếm nguồn nhiên liệu thay thế, giảm ô nhiễm môi trường. Trong 2015, khí CNG đã được đưa vào sử dụng thay thế cho dầu FO. CNG là nhiên liệu thay thế, giảm ô nhiễm môi trường đáng kể do khí thải thấp nhất, chỉ sau hydro. Phát ra ít chất gây ô nhiễm độc hại, có tính an toàn, không độc hại cho người, không ô nhiễm nguồn nước.

– Trong năm NETCO không có vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

#### **6.4. Chính sách liên quan đến người lao động**

– Số lượng lao động của NETCO năm 2015 là 634 người với mức lương bình quân là 6,1 triệu đồng/người/tháng.

– Công ty tạo điều kiện cho người lao động khám sức khỏe 02 lần trong năm, đo chức năng hô hấp 01 lần trong năm. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ như bảo hiểm theo luật định, ăn ca, bồi dưỡng độc hại, an toàn lao động, tiền lễ, tết, tháng lương thứ 13, nghỉ mát năm.

– Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: cử CBCNV, người lao động đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ ở bên ngoài theo yêu cầu công việc. Phổ biến chính sách an toàn chung, huấn luyện vận hành tời nâng, huấn luyện các thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn; huấn luyện PCCC, huấn luyện nghề thực tế tại công ty, vi sinh, vận hành máy...

#### **6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

– Hướng đến sự phát triển bền vững và lấy chữ “Nhân” làm gốc, công ty cổ phần bột giặt NET luôn đặt con người ở vị trí trung tâm của các hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng các cam kết với cộng đồng và người tiêu dùng, như đã đề cập tại mục 6.3, công thức các sản phẩm của NET được nghiên cứu trên cơ sở an toàn cho người sử dụng và môi trường, không chạy theo lợi nhuận bằng cách sử dụng các nguồn nguyên liệu giá rẻ. Trong tất cả các sản phẩm mang thương hiệu của NET, tuyệt đối không sử dụng các hóa chất gây độc hại, không dùng các loại hương liệu có kết cấu dễ gây ung thư cho người tiêu dùng.

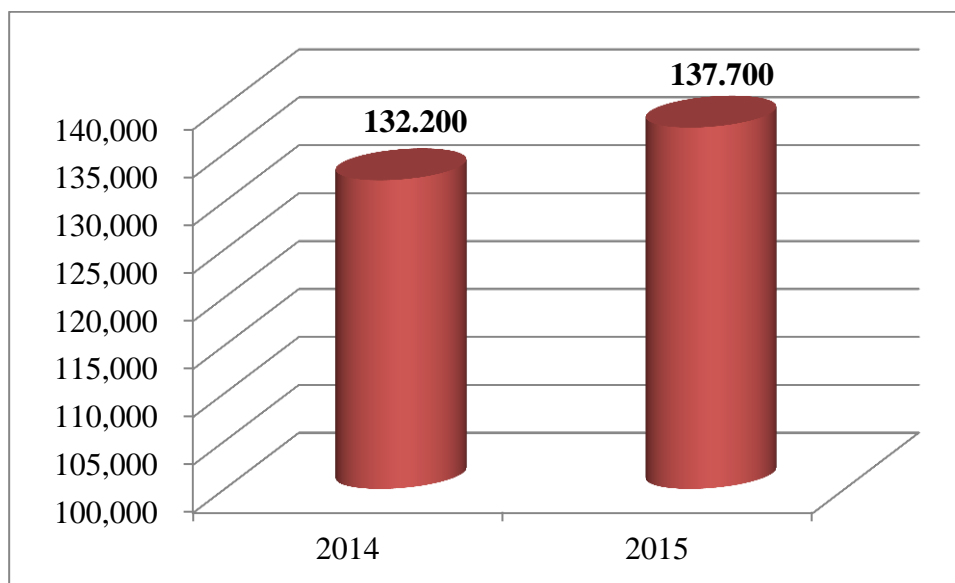
– Ý thức được trách nhiệm với cộng đồng, công ty đã thực hiện nhiều các chương trình xã hội và từ thiện. Cụ thể là nuôi dưỡng suốt đời một bà mẹ Việt Nam anh hùng cư ngụ tại Long Thành – Đồng Nai và một thương binh cư ngụ tại quận 8-tp. Hồ Chí Minh. Hàng năm, công ty thực hiện chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học và phát quà theo chương trình “áo trắng học trò” tại một số các trường tiểu học thuộc đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung.



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015 mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong khu vực được đánh giá là có nhiều bất ổn với những xung đột chính trị, tôn giáo và xu hướng thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng nhưng tình hình Việt nam nói chung và NET nói riêng có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Năm 2015 là một năm thành công đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của NETCO. Sản lượng sản xuất tại hai nhà máy tăng 4,2% từ 132.200 tấn trong năm 2014 lên đến 137.700 tấn năm 2015, lợi nhuận tăng 85% so với 2014 góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp và quyền lợi của các cổ đông.



Hình 4: Sản lượng sản xuất 2014 và 2015

– **Về hoạt động gia công** sản phẩm cho các khách hàng, tổng lượng hàng gia công tại hai nhà máy tăng 1,62% so với 2014, trong đó giảm 18,72% tại nhà máy Biên Hòa. Đối với mảng gia công, NET đứng trước áp lực tiết giảm các chi phí từ chi phí nhân công cho đến các chi phí tiện ích theo yêu cầu từ các khách hàng. Lợi nhuận biên của mảng gia công ngày càng bị thu hẹp và có khả năng ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của công ty trong trường hợp công ty không có những cải tiến nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí tiện ích.

– **Khái quát chung về hoạt động bán hàng nội địa và và xuất khẩu**, tỷ lệ tăng trưởng của số lượng tiêu thụ tính trên đầu tấn là 8,6% so với 2014. Nếu so sánh với mức tăng trưởng kinh tế của Việt nam là 6,68 % thì kết quả 8,6% đạt ở mức khá.

– **Về hoạt động xuất khẩu**, năm 2015 được ghi nhận là năm doanh thu xuất khẩu giảm 11% từ 215 tỷ đồng xuống còn 191,5 tỷ đồng. Nguyên nhân của việc giảm này xuất phát từ việc một số thị trường bị mất vào tay các nhà sản xuất của Trung Quốc. Mức chênh lệch về giá chào bán sản phẩm FOB cho khách hàng giữa Việt Nam và Trung Quốc từ 10% đến 12%. Đây là một khó khăn đối với NET nói riêng cũng như ngành sản xuất chất tẩy rửa tại Việt Nam nói chung trong việc giữ và mở rộng thị

trường xuất khẩu. Mức thu phí tại các cảng Việt Nam tăng liên tiếp trong các năm từ 2013 đến 2015 và chi phí nhân công tăng đã đẩy giá thành sản xuất tại Việt Nam lên cao, ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh quốc gia của ngành này.

– **Tại thị trường nội địa và xuất khẩu gián tiếp**, doanh thu năm 2015 tăng 14% so với 2014 từ 464,7 tỷ đồng lên 529 tỷ đồng. Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015 ghi nhận mức tăng là 3,58% (từ 511 tỷ đồng lên 529 tỷ đồng). Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do Công ty loại phần chi phí khuyến mãi sản phẩm năm 2014 (khoảng 46 tỷ đồng) theo phương thức ghi nhận doanh thu tại thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Đóng góp vào việc tăng trưởng doanh thu trên có sự góp phần của một số nhóm hàng tẩy rửa lồng mới với chất lượng tốt tương đương các sản phẩm đứng đầu trên thị trường như nước giặt NET Matic và nước tẩy nhà tắm NET Power Clean được triển khai vào cuối quý 3/2015.



Hình 5: 2 sản phẩm mới triển khai trong 2015

– Thị trường nội địa được Ban Giám đốc đánh giá là nơi đối diện với nhiều khó khăn thách thức trong những năm qua và những năm sắp tới. Nhiều nhà sản xuất nội địa mới cũng như những nhãn hàng nhập khẩu tham gia thị trường với các hình thức khuyến mại khá linh hoạt làm tăng mức cung của thị trường trong khi tổng mức cầu của thị trường giảm nhẹ do tình hình kinh tế giảm sút. Điều này tăng áp lực cạnh tranh đối với các nhà sản xuất trong nước và làm cho cuộc chiến tại thị trường này trở nên “ngầu bọt”. Sự cải tiến trong công nghệ để gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao năng suất là điều cần thiết để tồn tại trong cuộc chiến này.

– **Các hoạt động cung ứng nguyên liệu, vật tư, bao bì và giao hàng đến hệ thống phân phối** được nhìn nhận là một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị của công ty. Mảng hoạt động này được đánh giá là tốt. Hàng năm, các nhà cung cấp được đánh giá dựa trên các KPIs của năm trước trước khi được đưa vào danh mục nhà cung cấp của năm hiện tại. Việc lựa chọn và thương lượng với các nhà cung cấp đầu vào để có giá vốn tốt, góp phần giảm bớt áp lực tăng chi phí nhân công và gia tăng lợi nhuận. Các hoạt động vận chuyển, logistic được thực hiện kịp thời, không để xảy ra tình trạng giao hàng trễ so với yêu cầu của khách hàng.

Tóm lại, bức tranh sản xuất kinh doanh 2015 được ghi nhận với những tín hiệu tốt về lợi nhuận và tăng trưởng tại thị trường nội địa tuy nhiên cần nhìn nhận khách quan rằng hoạt động bán hàng xuất khẩu và nội địa cần nhiều nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng thương hiệu tại thị trường nội địa và tận dụng tối đa những cơ hội từ các hiệp định thương mại được ký kết giữa chính phủ Việt Nam và các quốc gia khác để mở rộng xuất khẩu. Để có thể vượt lên những thách thức đầy áp lực đối với hoạt động bán hàng nội địa, xuất khẩu và gia công trong những năm sắp tới, năm 2016 là năm thích hợp để Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xem xét lại nguồn lực hiện có để điều chỉnh mô hình kinh doanh phù hợp với nhiệm kỳ mới (2016-2021)

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Tình hình tài sản**

– Tổng giá trị tài sản của NETCO tính đến thời điểm 31/12/2015 là 371,8 tỷ đồng, tăng 18% (tương đương 57,6 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm ngoái do Công ty tăng khoản phải thu ngắn hạn và đang tiến hành xây dựng nhà máy mới nên tăng tài sản dở dang dài hạn.

– Số vòng quay tổng tài sản năm 2015 là 2,11 lần, giảm so với mức của năm 2014 là 2,56 lần. Điều này là do tốc độ tăng tài sản của Công ty nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu dẫn đến số doanh thu tạo ra từ 1 đồng tài sản năm 2015 thấp hơn so với 2014.

– Nhìn chung các khoản nợ, tài sản của Công ty được theo dõi, quản lý tốt nên không có tình trạng nợ phải thu xấu, tài sản xấu trong 2015.

### **2.2. Tình hình nợ phải trả**

– Tổng nợ phải trả của Công ty đến thời điểm 31/12/2015 là 89,4 tỷ đồng, tăng 9% (tương đương 7 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó công ty không có nợ dài hạn, không có khoản nợ đối với các tổ chức tài chính và trên 50% cơ cấu nợ ngắn hạn của NETCO là khoản phải trả người bán ngắn hạn, điều này chứng tỏ NETCO có uy tín đối với các nhà cung cấp.

– So với năm 2014, các hệ số Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của năm 2015 đều giảm khoảng 2% ở mức tương ứng là 24,04% và 31,65%.

– Do Công ty có sẵn nguồn ngoại tệ thu từ xuất khẩu để trang trải cho việc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cộng thêm tỷ giá USD tăng cho nên trong năm 2015 Công ty vẫn thu lợi từ chênh lệch tỷ giá.

– Công ty ít bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay do không vay nợ từ các tổ chức tài chính, tín dụng và vẫn có thu nhập từ tiền gửi, tiền cho vay, khoảng gần 6 tỷ đồng trong 2015, tăng 11% so với 2014.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

– Cơ cấu tổ chức với mô hình Giám đốc điều hành và các Giám đốc chức năng được giữ nguyên, không thay đổi từ đầu nhiệm kỳ.

– Các chính sách bao gồm chính sách nguồn nhân lực, chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/phạt... Các chính sách được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn. Sau quá trình thực hiện, công ty có hoạt động đánh giá lại xem chính sách còn điểm nào chưa phù hợp không?

– Về quản trị, công ty áp dụng mô hình quản lý phân cấp. Các giám đốc chức năng, các trưởng phó phòng ban phân xưởng được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn qui định. Mô hình này tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Căn cứ vào những định hướng của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2016-2021), ban điều hành sẽ cụ thể hóa thành các mục tiêu và chương trình sau.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

– Về trách nhiệm đối với cộng đồng của NET, Ban giám đốc đồng ý kiến với đánh giá của Hội đồng quản trị tại mục IV (2). Công ty ngày càng có ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng.

– Điều này thể hiện rõ nét qua các chương trình tài trợ “Vượt lên chính mình” xuyên suốt trong nhiều năm, chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, chính sách đối với người có công với cách mạng và tạo điều kiện cho các em sinh viên trẻ được thực tập.

#### **6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

– Là một đơn vị sản xuất chất tẩy rửa nên NETCO rất quan tâm đến vấn đề môi trường tại nhà máy, cụ thể:

– Đầu năm 2015, NETCO đã chuyển đổi nguyên liệu đốt từ dầu FO sang dùng khí CNG, việc này vừa giúp tiết kiệm nhiên liệu (khoảng 10%) vừa giúp giảm ô nhiễm môi trường do gas sạch hơn. Đây là một nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo NETCO đồng thời là hành động cụ thể trong việc thể hiện trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với môi trường.

– Công ty hiện vẫn duy trì hệ thống tái chế nước thải để tái sử dụng, việc này góp phần tiết kiệm nguồn nước và hạn chế nước thải ra bên ngoài.

– Trong hoạt động sản xuất, NETCO luôn khuyến khích CBCNV phát huy các sáng kiến nhằm giảm thiểu điện năng tiêu thụ đồng thời thực hiện tiết kiệm điện thông qua việc tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng.

#### **6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

– Tình hình lao động của nhiệm kỳ (2011-2016) có biến động hơn so với các nhiệm kỳ trước. Cùng với việc mở cửa kinh tế, số lượng các doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng lên. Nói cách khác, nhu cầu về nguồn nhân lực tăng. Người lao động có nhiều cơ

hội để lựa chọn những công việc phù hợp với nguyện vọng và năng lực hơn. Mức thu nhập tại NET hiện nay ở mức trung bình so với thị trường lao động. Vì vậy, việc biến động tăng giảm lao động là một tất yếu.

– Trong nhiệm kỳ tới, vấn đề xây dựng nguồn nhân lực mạnh, có chất lượng cùng với chính sách trả lương theo năng lực và cống hiến sẽ là vấn đề quan trọng, quyết định đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Nhiệm kỳ 2011- 2015, với chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, Hội đồng quản trị đã xác định các vấn đề cốt lõi xuyên suốt nhiệm kỳ và của từng giai đoạn để đề ra kế hoạch hành động phù hợp, đồng thời cùng Ban điều hành tập trung giải quyết các vấn đề lớn của Công ty, theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, với các nội dung chính sau:

– HĐQT luôn bám sát nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên từng năm, phân công từng thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực trong phạm vi chức năng quản trị; đồng thời HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề các hoạt động quản trị khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

– Với thuận lợi đa phần các thành viên HĐQT vừa là thành viên HĐQT vừa là thành viên trong Ban điều hành, các thành viên HĐQT hàng tuần, tháng, quý cùng Ban điều hành họp giao ban, kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu diễn biến của sản xuất và kinh doanh.

– Công ty đã từng bước kiện toàn bộ máy quản lý, cơ cấu nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cùng khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó HĐQT công ty cũng chỉ đạo xây dựng các phương án tiết kiệm trong quản lý và sản xuất.

– Thực hiện đúng Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức các năm đúng theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua các năm.

– Với tinh thần đổi mới để phát triển, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, căn cứ nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã triển khai cho Ban điều hành, Ban quản lý dự án, đến nay nhà máy mới tại KCN Lộc An – Bình sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam đang đi vào giai đoạn nước rút, dự kiến cuối quý 4/2016 đầu quý 1/2017 sẽ đưa vào vận hành với công suất thiết kế trên 100.000 tấn Bột giặt năm, lấy tự động làm trung tâm, chắc chắn không những củng cố vị thế của NETCO trong và ngoài nước mà còn tham gia nhanh chuỗi cung ứng toàn cầu trong xu thế hòa nhập hiện nay.

– HĐQT thực hiện tốt việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang Website công ty, UB CKNN, Sở GDCK Hà Nội.

– Trong năm năm qua, NETCO luôn hoàn thành và vượt hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, không những bảo toàn mà còn phát triển vốn, từ 79,994 tỷ vốn điều lệ năm 2011, đến nay vốn điều lệ lên tới 159,988 tỷ VND; lợi nhuận từ 84,647 tỷ/năm 2011, đến năm 2015 nhuận đạt 103,049 tỷ đồng. Có thể khẳng định rằng, kết quả này phản ánh vai trò định hướng, chỉ đạo tập trung và hỗ trợ xuyên suốt của HĐQT đối với Ban điều hành; với vai trò quản trị của mình, nên thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS trong những năm qua được thực hiện đúng theo mức nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

– Hội đồng quản trị tạo điều kiện để các hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, nữ công đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; xây dựng nếp sống văn hoá doanh nghiệp và CBCNV NETCO coi danh nghiệp như ngôi nhà thứ hai của mình.

– HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đúng chức năng của mình trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

Chính vì thế, NETCO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm được đề ra tại Đại hội Cổ đông năm 2015, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ TH 2015/TH 2014 (%)	Tỷ lệ TH 2015/KH 2015 (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	758.1	833.91	784.3	103%	94%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55.6	55.6	103	185%	185%
EPS	VND	2,676	2,721	5,205	195%	191%
Cổ tức	%	20%	12%	20%	100%	167%

*Bảng 9: Các chỉ tiêu thực hiện 2015 so với kế hoạch và thực hiện 2014*

**Ghi chú:** cổ tức thực hiện 2015 là mức HĐQT dự kiến trình ĐHĐCD thông qua

– Doanh thu thực hiện năm 2015 đạt 784,3 tỷ đồng, bằng 103% so thực hiện năm 2014, giảm 6% so với kế hoạch năm 2015.

– Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2015 đạt 103 tỷ đồng, bằng 185% so thực hiện năm 2014 và vượt 85% kế hoạch năm 2015.

- Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2015 đạt 5.205 đồng, bằng 195% so với năm 2014 và vượt 91% kế hoạch được thông qua.
- Cổ tức dự kiến 2015 là 20%, bằng so với 2014 và vượt 67% so với kế hoạch đề ra.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Nhìn chung, Hội đồng Quản trị đánh giá năm 2015 là một năm thành công của Ban điều hành công ty trong kinh doanh và thực hiện tốt những qui định về pháp luật, môi trường cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng.

Trước hết, thành công này được thể hiện rõ nét qua kết quả về lợi nhuận và doanh thu bán hàng. Với mức tăng 190% tính trên đồng lợi nhuận/đồng doanh thu (từ 0.069 đồng trong 2014 lên 0.1313 đồng trong 2015), NET đã đạt mức lợi nhuận cao hơn các đơn vị sản xuất cùng ngành trong nước. Đặc biệt, sự gia tăng gấp đôi về giá trị vốn góp của các cổ đông từ 79,994 tỷ VND lên 159,988 tỷ VND từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển được Hội đồng quản trị ghi nhận năng lực kinh doanh của Ban điều hành trong việc mang lại sự gia tăng lợi ích của các cổ đông và gia tăng tài sản của doanh nghiệp.

Ghi nhận tiếp theo của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành về những cố gắng trong việc bù đắp phần giảm doanh thu từ mảng hoạt động gia công bằng doanh thu của mảng bán hàng nội địa và xuất khẩu. Mặc dù sự tăng trưởng về tổng doanh thu còn thấp nhưng trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như trong khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, xung đột chính trị, chỉ số CPI tăng ở mức thấp 0,63% trong 2015, Hội đồng quản trị có những đánh giá tích cực đối với hoạt động bán hàng.

Ngoài những đánh giá tích cực trong kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá cao việc thực hiện những qui định liên quan đến pháp luật, môi trường của NET. Đồng thời, trách nhiệm đối với cộng đồng của NET ngày càng thể hiện rõ nét qua các chương trình tài trợ “Vượt lên chính mình” xuyên suốt trong nhiều năm, chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, chính sách đối với người có công với cách mạng và tạo điều kiện cho các em sinh viên trẻ được thực tập.

Tất cả các thành công và nỗ lực trên là kết quả của việc Ban điều hành Công ty trong việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị thành các chương trình hành động trong năm 2015 và sự ứng phó linh hoạt trước những diễn biến của các yếu tố trong và ngoài công ty.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục chủ trương điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tinh thần thận trọng và chắc chắn, phát huy những thành quả đã đạt được của năm 2015. Căn cứ vào nội lực của Công ty và những dự đoán về nền kinh tế, về thị trường trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đặt ra các mục tiêu kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2015	KH năm 2016	Tỷ lệ KH 2016/TH 2015 %
Doanh thu	Tỷ đồng	784,3	840	107%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103	80	78%

Bảng 10: Các chỉ tiêu kế hoạch 2016

**Ghi chú:** kế hoạch 2016 là mức HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua

– Kế hoạch doanh thu năm 2016 là 840 tỷ đồng, bằng 107% so với thực hiện năm 2015.

– Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 80 tỷ đồng bằng 78% so với thực hiện năm 2015.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	SL chức danh TV HĐQT tại công ty khác
1	Phạm Quang Hòa	GĐĐH	- Từ đầu nhiệm kỳ đến 29/1/2016: đại diện 21%. - Từ 29/1/2016, đại diện 6%		0
2	Phan Văn Tiền	CT HĐQT		Đại diện 15%	3
3	Nguyễn Mạnh Hùng	UV HĐQT-GĐNS		Đại diện 15%	0
4	Lê Ngọc Quang	TV HĐQT		Từ đầu nhiệm kỳ đến 25/4/2015 đại diện 15%	
5	Lương Thị Anh Đào	UV HĐQT		Từ ngày 25/4/2015 đại diện 15%	0
6	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT-GĐTM	80.802	0,505%	0
7	Lê Văn Bách	UV HĐQT	0	0%	0

Bảng 11: Thành viên Hội đồng quản trị

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hiện nay HĐQT chưa thành lập các tiểu ban tuy nhiên HĐQT đã phân công các thành viên phụ trách từng lĩnh vực

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị



Trong 2015, Hội đồng Quản trị Công ty có tất cả 8 cuộc họp với sự tham gia góp ý kiến của 100% TV HĐQT, cụ thể:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phạm Quang Hòa	CT HĐQT - GĐĐH	Không còn là TV HĐQT từ 29/1/2016	8/8	100%
2	Phan Văn Tiền	CT HĐQT	Là TV HĐQT từ 29/1/2016		
3	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT		8/8	100%
4	Lê Ngọc Quang	TV HĐQT	Không còn là TV HĐQT từ 25/4/2015	2/2	100%
5	Lương Thị Anh Đào	TV HĐQT	Là TV HĐQT từ 25/4/2015	6/6	100%
6	Thái Thị Hồng Yến	TV HĐQT		8/8	100%
7	Lê Văn Bách	TV HĐQT		8/8	100%

*Bảng 12: Hoạt động của Hội đồng quản trị*

**1.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** 01 thành viên thuộc HĐQT, BGD Công ty đang tham gia khóa đào tạo Thạc sỹ QTKD của Đại học Quebec – Canada.

## **2. Ban Kiểm soát**

### **2.1. Thành viên của Ban kiểm soát**

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Thiện Nhân	TBKS	0	0%
2	Lê Thị Tường Vân	UV BKS	625.338	3,908%
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	UV BKS	1.314	0,0082%

*Bảng 13: Thành viên của Ban kiểm soát*

**2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:** Trong 2015, Ban kiểm soát Công ty có tất cả 12 cuộc họp với sự tham gia góp ý kiến của 100% TV BKS, cụ thể:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thiện Nhân	TBKS	12/12	100%
2	Lê Thị Tường Vân	UV BKS	12/12	100%
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	UV BKS	12/12	100%

*Bảng 14: Hoạt động của Ban kiểm soát*

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao

Hội đồng Quản trị	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1 Phạm Quang Hòa	CT HDQT-GĐĐH	48%	40%	12%	100%
2 Nguyễn Mạnh Hùng	TV HDQT-GĐNS	64%	14%	22%	100%
3 Lê Ngọc Quang	TV HDQT	0%	0%	100%	100%
4 Lương Thị Anh Đào	TV HDQT	0%	0%	100%	100%
5 Thái Thị Hồng Yên	TV HDQT-GĐTM	73%	16%	10%	100%
6 Lê Văn Bách	TV HDQT	38%	10%	51%	100%
<b>Ban Kiểm soát</b>					
1 Nguyễn Thiện Nhân	TBKS	0%	0%	100%	100%
2 Lê Thị Tường Vân	UV BKS	72%	8%	20%	100%
3 Nguyễn Thị Hồng Châu	UV BKS	71%	7%	23%	100%

*Bảng 15: Lương, thưởng, thù lao của HDQT của Ban kiểm soát*

#### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

**Không có**

#### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

**Không có**

#### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các vấn đề liên quan đến quản trị như tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và các qui trình, công cụ kiểm tra hoạt động của các phòng ban, phân xưởng trong công ty cũng như việc sử dụng các nguồn lực để đạt được các mục tiêu đề ra của Hội đồng quản trị được Ban điều hành thực hiện ở mức năm sau có tiến bộ và cải tiến so với năm trước. Các qui chế về tài chính, mua hàng, bán hàng... đều đã được thiết lập và là cơ sở để các phòng ban, phân xưởng thực hiện. Tuy nhiên, việc kết nối giữa hoạt động thực tế với mục tiêu đầu đó còn rời rạc, một số hoạt động được đo lường bằng định tính, thiếu định lượng. Vì vậy, để có thể đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn 5 năm tới (2016-2021), cần có

những thay đổi mạnh mẽ về quản trị doanh nghiệp, mô hình kinh doanh công ty và chính sách liên quan đến nguồn nhân lực để có sự liên kết rõ ràng giữa mục tiêu của từng bộ phận với mục tiêu chung của công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'H. M.', written over a horizontal line.

**PHẠM QUANG HÒA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đồng Nai, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/01/2016)
Ông Phạm Quang Hòa	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/01/2016)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Bà Thái Thị Hồng Yến	Ủy viên
Bà Lương Thị Anh Đào	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/4/2015)
Ông Lê Ngọc Quang	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/4/2015)
Ông Lê Văn Bách	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phạm Quang Hòa	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc nhân sự
Bà Thái Thị Hồng Yến	Giám đốc thương mại
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc kỹ thuật
Ông Phạm Quốc Cường	Giám đốc sản xuất

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

---

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ông Phạm Quang Hòa đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Quang Hòa**  
**Giám đốc điều hành**

*Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2016*

Số: 30/2016/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Bột giặt Net

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Net (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/03/2016, từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Net tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh  
Phó Tổng giám đốc  
Số GCN ĐKHN kiểm toán 0034-2015-055-1



Hoàng Thiên Nga  
Kiểm toán viên  
Số GCN ĐKHN kiểm toán 1138-2015-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B01 - DN**  
*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>225.283.822.832</b>	<b>201.685.195.491</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>27.804.830.224</b>	<b>55.896.476.282</b>
1. Tiền	111		19.861.830.224	9.896.276.282
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.943.000.000	46.000.200.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>97.600.000.000</b>	<b>57.600.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		97.600.000.000	57.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.346.005.686</b>	<b>17.765.372.459</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.683.700.092	16.915.426.841
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.153.645.553	33.265.526
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	607.789.094	868.423.365
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(99.129.053)	(51.743.273)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>52.663.699.513</b>	<b>58.562.546.986</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.663.699.513	58.562.546.986
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.869.287.409</b>	<b>11.860.799.764</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.869.287.409	11.860.799.764
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>146.583.794.821</b>	<b>112.574.972.721</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.708.324.293</b>	<b>67.661.589.432</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	57.708.324.293	67.661.589.432
- Nguyên giá	222		128.431.257.682	127.996.905.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.722.933.389)	(60.335.316.387)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>35.298.703.579</b>	<b>1.269.394.546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	35.298.703.579	1.269.394.546
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>53.576.766.949</b>	<b>43.643.988.743</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	53.576.766.949	43.643.988.743
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>371.867.617.653</b>	<b>314.260.168.212</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>89.405.332.525</b>	<b>82.353.425.013</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.405.332.525</b>	<b>82.353.425.013</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	45.634.013.391	48.839.191.381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.643.050.719	3.686.292.811
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.388.795.792	3.701.036.039
4. Phải trả người lao động	314		9.318.627.890	5.153.904.221
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.195.606.719	5.802.204.144
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8.406.765.993	7.427.443.355
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.818.472.021	7.743.353.062
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>282.462.285.128</b>	<b>231.906.743.199</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>282.462.285.128</b>	<b>231.906.743.199</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		159.988.920.000	159.988.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		159.988.920.000	159.988.920.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.533.043.270	16.329.365.043
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.940.321.858	55.588.458.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.663.995.929	31.503.292.358
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83.276.325.929	24.085.165.798
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>371.867.617.653</b>	<b>314.260.168.212</b>


Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên



Giám đốc điều hành



Phạm Quang Hòa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MÃ SỐ B02- DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	784.274.854.684	804.029.275.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		784.274.854.684	804.029.275.226
4. Giá vốn hàng bán	11	21	589.490.644.474	622.331.368.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		194.784.210.210	181.697.906.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6.695.672.773	5.946.253.204
7. Chi phí tài chính	22	23	632.056.576	490.994.944
8. Chi phí bán hàng	25	24	79.778.613.253	115.771.986.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.128.409.940	18.666.955.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.940.803.214	52.714.222.891
11. Thu nhập khác	31		306.475.155	3.001.631.648
12. Chi phí khác	32		197.841.631	132.162.287
13. Lợi nhuận khác	40	25	108.633.524	2.869.469.361
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.049.436.738	55.583.692.252
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	16.273.110.809	9.277.163.850
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		86.776.325.929	46.306.528.402
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.205	2.676
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		5.205	2.676

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên



Phạm Quang Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MÃ SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.049.436.738	55.583.692.252
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.557.183.761	10.095.041.255
- Các khoản dự phòng	03	47.385.780	315.861.246
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	33.113.517	(23.988.568)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.901.958.816)	(5.393.530.464)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	107.785.160.980	60.577.075.721
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.479.809.221	246.035.930
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.898.847.473	11.856.298.517
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.313.239.508	(30.507.810.957)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.932.778.206)	(17.043.786.712)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.641.299.033)	(8.389.585.839)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.147.881.041)	(4.745.743.363)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>92.755.098.902</b>	<b>11.992.483.297</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(54.918.274.687)	(10.480.760.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	76.000.000	62.727.275
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(190.000.000.000)	(57.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	150.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.993.198.527	5.330.803.189
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(88.849.076.160)</b>	<b>(62.687.229.609)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.997.388.800)	(19.998.368.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(31.997.388.800)</b>	<b>(19.998.368.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(28.091.366.058)</b>	<b>(70.693.114.312)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	55.896.476.282	126.567.333.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	(280.000)	22.256.764
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.804.830.224	55.896.476.282

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng





Trần Thị Ái Liên

Trần Thị Ái Liên

Phạm Quang Hòa

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bột giặt Net (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01/07/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 3600642822 ngày 02/7/2014. Vốn điều lệ của Công ty là 159.988.920.000 đồng, tương ứng với 15.998.892 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NET.

Trụ sở chính của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất chất tẩy rửa, mỹ phẩm;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2015, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đồng Nai và 02 Chi nhánh:

- Chi nhánh Hà Nội tại Km số1, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 617 - 629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

### **Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm tài chính 2015. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty không điều chỉnh, phân loại lại phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200 cho mục đích so sánh; theo đó, một số số liệu của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Phân ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”, “Phải thu về cho vay ngắn hạn” và “Phải thu về cho vay dài hạn”.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:***

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm các tài sản không đủ ghi nhận là tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.
- Chi phí quảng cáo bao gồm: chi phí quảng cáo trên xe buýt, chi phí phát quảng cáo trên truyền hình. Chi phí quảng cáo được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 12 tháng.
- Chi phí đầu tư sản xuất 100.000 tấn OMO, được phân bổ theo sản lượng sản xuất trong kỳ.
- Phí sử dụng hạ tầng đợt 1,2 cho khu đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn phục vụ cho dự án di dời nhà máy tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ khi nhà máy đi vào hoạt động.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi, kỳ hạn, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

#### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 tính từ năm 2004 như sau:

Hoạt động	Ưu đãi thuế suất		Ưu đãi về thời gian miễn, giảm	
	Thuế suất	Thời gian	Miễn	Giảm 50%
Sản xuất bột giặt và các chất tẩy rửa tổng hợp	15%	12 năm	3 năm	7 năm

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hưởng ưu đãi trong năm 2015 với mức thuế suất 15%. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất phổ thông là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	545.808.832	492.430.125
Tiền gửi ngân hàng	19.316.021.392	9.403.846.157
Các khoản tương đương tiền	7.943.000.000	46.000.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>27.804.830.224</u></b>	<b><u>55.896.476.282</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>97.600.000.000</b>	<b>97.600.000.000</b>	<b>57.600.000.000</b>	<b>57.600.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	97.600.000.000	97.600.000.000	57.600.000.000	57.600.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với tổng số tiền là 55 tỷ đồng, kỳ hạn 95 ngày với tổng số tiền 30 tỷ đồng và khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai với số tiền là 12,6 tỷ đồng.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>31/12/2015</u>			<u>01/01/2015</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Rau quả Cần Thơ	716.390.400	(716.390.400)	-	716.390.400	(716.390.400)	-

Công ty đang nắm giữ số lượng 6.600 cổ phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng/1 cổ phiếu, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Theo các thông tin Công ty đã thu thập được thì Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị này bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục đóng mã số thuế; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã quyết định trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng (tại thời điểm 31/12/2014 là 716.390.400 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>20.683.700.092</b>	<b>16.915.426.841</b>
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	8.329.176.594	5.814.657.376
NEU-TECH Ltd	499.746.429	2.237.808.468
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố	7.503.525.961	1.195.057.791
Các khách hàng khác	4.351.251.108	7.667.903.206
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>607.789.094</b>	-	<b>868.423.365</b>	-
- Dự thu lãi tiền gửi	555.488.889	-	638.107.222	-
- Phải thu khác	52.300.205	-	230.316.143	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.017.443.986	-	37.630.211.959	-
Công cụ, dụng cụ	136.661.599	-	199.865.861	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	679.990.169	-	1.192.137.978	-
Thành phẩm	19.829.603.759	-	19.540.331.188	-
<b>Cộng</b>	<b>52.663.699.513</b>	-	<b>58.562.546.986</b>	-

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà máy mới Long Thành (*)	34.323.819.900	1.269.394.546
Dự án đầu tư bồn trộn sổng Bột giặt	974.883.679	-
<b>Cộng</b>	<b>35.298.703.579</b>	<b>1.269.394.546</b>

(\*) Dự án đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn theo Quyết định phê duyệt dự án số 12A/2014/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2014 với tổng vốn đầu tư là 375.537.051.487 đồng, thời gian thực hiện 21 tháng, dự kiến bàn giao công trình vào sử dụng cuối quý IV/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**11. NỢ XẤU**

Thời gian quá hạn	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị VND
Năm	VND	VND	VND	VND
Trên 3 năm	10.893.735	-	10.893.735	-
Trên 3 năm	88.235.318	-	88.235.318	-
<b>Cộng</b>	<b>99.129.053</b>	<b>-</b>	<b>99.129.053</b>	<b>-</b>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND		Máy móc thiết bị VND		Phương tiện vận tải VND		Thiết bị văn phòng VND		Tổng VND	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>										
Tại ngày 01/01/2015	40.541.391.380	78.457.903.381	8.220.555.064	777.055.994	127.996.905.819					
Mua trong năm	-	96.000.000	592.540.000	-	688.540.000					
Thanh lý, nhượng bán	-	(115.084.500)	(139.103.637)	-	(254.188.137)					
Tại ngày 31/12/2015	40.541.391.380	78.438.818.881	8.673.991.427	777.055.994	128.431.257.682					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>										
Tại ngày 01/01/2015	19.212.353.848	37.314.944.314	3.352.644.212	455.374.013	60.335.316.387					
Khấu hao trong năm	2.047.605.952	7.570.311.784	864.983.309	74.282.716	10.557.183.761					
Thanh lý, nhượng bán	-	(115.084.500)	(54.482.259)	-	(169.566.759)					
Tại ngày 31/12/2015	21.259.959.800	44.770.171.598	4.163.145.262	529.656.729	70.722.933.389					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>										
Tại ngày 01/01/2015	21.329.037.532	41.142.959.067	4.867.910.852	321.681.981	67.661.589.432					
Tại ngày 31/12/2015	19.281.431.580	33.668.647.283	4.510.846.165	247.399.265	57.708.324.293					
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	1.616.904.676	11.171.675.893	395.105.476	245.329.227	13.429.015.272					

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	45.634.013.391	45.634.013.391	48.839.191.381	48.839.191.381
Chi nhánh Công ty Cổ Phần TICO	5.858.424.858	5.858.424.858	3.595.392.375	3.595.392.375
Công ty TNHH UIC Việt Nam	13.869.838.483	13.869.838.483	16.415.156.566	16.415.156.566
Phải trả cho các đối tượng khác	25.905.750.050	25.905.750.050	28.828.642.440	28.828.642.440
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.634.013.391</b>	<b>45.634.013.391</b>	<b>48.839.191.381</b>	<b>48.839.191.381</b>

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Phải trả với các bên liên quan

Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam

1.970.144.000

1.970.144.000

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015		31/12/2015	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	135.951.054	2.312.829.468	141.102.334	141.102.334
Thuế nhập khẩu	342.220.198	1.318.849.729	349.689.798	349.689.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.163.680.888	14.641.299.033	4.795.492.664	4.795.492.664
Thuế thu nhập cá nhân	59.183.899	895.806.207	97.787.429	97.787.429
Các loại thuế khác	-	332.874.270	4.723.567	4.723.567
<b>Cộng</b>	<b>3.701.036.039</b>	<b>24.703.879.822</b>	<b>23.016.120.069</b>	<b>5.388.795.792</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>53.576.766.949</b>	<b>43.643.988.743</b>
Chi phí sử dụng hạ tầng (*)	47.942.700.000	31.611.450.000
Chi phí dự án gia công 100.000 tấn bột giặt OMO	3.905.919.517	4.915.807.524
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	151.319.720	1.137.306.765
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	123.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.576.827.712	5.856.424.454
<b>Cộng</b>	<b>53.576.766.949</b>	<b>43.643.988.743</b>

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCĐ-2013 ngày 25/04/2013 đã thông qua chủ trương di dời nhà máy tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, theo đó Công ty sẽ thuê lại Khu đất rộng 60.000 m<sup>2</sup> trong thời gian 47 năm. Tổng số tiền đã thanh toán đợt 1, đợt 2, đợt 3 là 47.942.700.000 đồng.

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.195.606.719</b>	<b>5.802.204.144</b>
Chi phí hoa hồng, khuyến mại, hỗ trợ nhà phân phối	4.021.954.589	4.957.736.032
Chi phí vận chuyển	740.283.040	473.272.157
Tiền ăn giữa ca	186.830.000	145.180.000
Chi phí khác	246.539.090	226.015.955
<b>Dài hạn</b>	-	-

## 17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.406.765.993</b>	<b>7.427.443.355</b>
- Kinh phí công đoàn	289.520.634	208.851.673
- Bảo hiểm xã hội	148.262.584	408.789.661
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.145.380	1.750.180
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.966.837.395	6.808.051.841
<b>Dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>79.994.460.000</b>	<b>7.999.446.000</b>	<b>73.036.174.033</b>	<b>47.376.309.651</b>	<b>208.406.389.684</b>				
Tăng vốn trong năm	79.994.460.000	-	-	-	79.994.460.000				
Lãi trong năm	-	-	-	-	46.306.528.402				
Phân phối lợi nhuận	-	2.314.000.000	12.994.460.000	(38.084.075.000)	(22.775.615.000)				
Giảm khác	-	(20.254.990)	(79.994.460.000)	(10.304.897)	(80.025.019.887)				
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>10.293.191.010</b>	<b>6.036.174.033</b>	<b>55.588.458.156</b>	<b>231.906.743.199</b>				
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	(10.293.191.010)	10.293.191.010	-	-				
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>-</b>	<b>16.329.365.043</b>	<b>55.588.458.156</b>	<b>231.906.743.199</b>				
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-				
Lãi trong năm	-	-	-	-	86.776.325.929				
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	16.203.678.227	(52.424.462.227)	(36.220.784.000)				
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>-</b>	<b>32.533.043.270</b>	<b>89.940.321.858</b>	<b>282.462.285.128</b>				

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-HĐQT-2015 ngày 25/04/2015, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 của Công ty như sau: Chia cổ tức 31.997.784.000 đồng tương ứng với 20% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3 tỷ đồng (đã tạm phân phối trong năm 2014 là 2,77 tỷ đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 500 triệu đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 16.203.678.227 đồng. Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã thanh toán 31.997.388.800 đồng tiền cổ tức năm 2014 cho các cổ đông.

Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 3.500.000.000 đồng.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	81.596.420.000	51%	81.596.420.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	78.392.500.000	49%	78.392.500.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>100%</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>100%</b>

## Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	159.988.920.000	159.988.920.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	159.988.920.000	159.988.920.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.997.784.000	19.998.368.000

## Cổ phiếu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.998.892	15.998.892
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.998.892	15.998.892
- Cổ phiếu phổ thông	15.998.892	15.998.892
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.998.892	15.998.892
- Cổ phiếu phổ thông	15.998.892	15.998.892

## 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ	1.237.071.847	613.647.783
Ngoại tệ các loại (USD)	224.681	467.465
Nợ khó đòi đã xử lý	529.829.019	529.829.019

## 20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	529.067.907.278	510.753.941.863
Doanh thu sản xuất xuất khẩu	191.482.393.613	214.958.290.650
Doanh thu gia công	33.946.143.868	46.771.413.225
Doanh thu khác	29.778.409.925	31.545.629.488
<b>Cộng</b>	<b>784.274.854.684</b>	<b>804.029.275.226</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, gia công	568.838.510.613	601.218.531.228
Giá vốn dịch vụ	20.652.133.861	21.112.837.690
<b>Cộng</b>	<b><u>589.490.644.474</u></b>	<b><u>622.331.368.918</u></b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.910.580.194	5.330.803.189
Lãi chênh lệch tỷ giá	785.092.579	591.461.447
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	23.988.568
<b>Cộng</b>	<b><u>6.695.672.773</u></b>	<b><u>5.946.253.204</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.113.517	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	598.943.059	203.940.775
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	287.054.169
<b>Cộng</b>	<b><u>632.056.576</u></b>	<b><u>490.994.944</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>18.128.409.940</b>	<b>18.666.955.662</b>
- Chi phí nhân viên	8.541.816.601	8.335.842.292
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.476.912.894	1.369.034.393
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	567.185.550	576.191.849
- Thuế, phí lệ phí	322.468.337	516.722.512
- Chi phí bằng tiền khác	7.220.026.558	7.869.164.616
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>79.778.613.253</b>	<b>115.771.986.015</b>
- Chi phí nhân viên	16.526.465.946	12.935.868.444
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.837.440.150	2.956.268.042
- Chi phí khấu hao	1.168.182.963	1.048.425.025
- Chi phí vận chuyển	6.124.440.179	7.001.194.066
- Chi phí khuyến mại bằng tiền	15.645.400.196	6.517.182.221
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý, siêu thị	22.011.441.656	22.800.230.568
- Chi phí bằng tiền khác	15.465.242.163	16.439.632.795
- Chi phí khuyến mại sản phẩm (*)	-	46.073.184.854

(\*) Khoản chi phí khuyến mại bằng sản phẩm của năm 2014 Công ty ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006; do Công ty không điều chỉnh/phân loại lại theo hướng dẫn Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 nên không có số liệu so sánh tương ứng của năm 2015.

## 25. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>306.475.155</b>	<b>3.001.631.648</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	62.727.275
Thu nhập từ xử lý nợ tồn đọng	-	2.703.125.672
Các khoản khác	306.475.155	235.778.701
<b>Chi phí khác</b>	<b>197.841.631</b>	<b>132.162.287</b>
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	8.621.387	-
Các khoản khác	189.220.244	132.162.287
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>108.633.524</b>	<b>2.869.469.361</b>

## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	537.632.810.267	567.488.721.812
Chi phí nhân công	45.701.725.281	41.796.172.713
Chi phí khấu hao tài sản	10.557.183.761	10.095.041.255
Chi phí khác bằng tiền	95.039.360.309	134.293.455.771
<b>Cộng</b>	<b>688.931.079.618</b>	<b>753.673.391.551</b>

## 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>103.049.436.738</b>	<b>55.583.692.252</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>112.771.448</b>	<b>83.261.845</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	30.552.452
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	112.771.448	113.814.297
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>103.162.208.186</b>	<b>55.666.954.097</b>
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất ưu đãi (15%)	91.751.071.318	42.422.372.166
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông (22%)	11.411.136.868	13.244.581.931
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.273.110.809</b>	<b>9.277.163.850</b>

## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	86.776.325.929	46.306.528.402
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.500.000.000	3.500.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	83.276.325.929	42.806.528.402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.998.892	15.998.892
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>5.205</b>	<b>2.676</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 số tiền 3 tỷ đồng và trích thưởng ban điều hành 500 triệu đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 (Thuyết minh số 18). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi này.

## 29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty như sau

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông chiếm 51% vốn điều lệ
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	Đơn vị thành viên

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan như sau

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Mua hàng</b>		
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	21.437.575.600	18.815.460.500
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	16.319.284.000	10.199.552.500
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>2.477.841.000</b>	<b>2.407.323.000</b>
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		
	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>01/01/2015 VND</b>
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	1.950.000.800	1.970.144.000

## 30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015	Giá trị ghi sổ 31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.804.830.224	55.896.476.282
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.162.900.133	17.651.979.433
<b>Cộng</b>	<b>48.967.730.357</b>	<b>73.548.455.715</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	53.602.996.166	55.648.993.402
Chi phí phải trả	5.195.606.719	5.802.204.144
<b>Cộng</b>	<b>58.798.602.885</b>	<b>61.451.197.546</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.526.969.445	5.914.992.105	12.232.209.740	5.543.844.309

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ tài chính ban hành để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 99.129.053 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 51.743.273 đồng).

### Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	53.602.996.166	-	53.602.996.166
Chi phí phải trả	5.195.606.719	-	5.195.606.719
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	55.648.993.402	-	55.648.993.402
Chi phí phải trả	5.802.204.144	-	5.802.204.144

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.804.830.224	-	27.804.830.224
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.162.900.133	-	21.162.900.133
Đầu tư dài hạn	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.896.476.282	-	55.896.476.282
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.651.979.433	-	17.651.979.433
Đầu tư dài hạn	-	-	-

### 31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu trên đầu năm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 được phân loại lại nhằm đảm bảo có thể so sánh được với số liệu tương ứng, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty cho mục đích so sánh chưa được điều chỉnh theo Thông tư 200 nên không sử dụng nhằm mục đích so sánh với số liệu của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015.

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014 VND	01/01/2015 VND	Ảnh hưởng VND
<b>Tài sản</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	788.295.865	868.423.365	80.127.500
Tài sản ngắn hạn khác	158	80.127.500	-	(80.127.500)
<b>Cộng</b>		<b>868.423.365</b>	<b>868.423.365</b>	<b>-</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Quỹ đầu tư phát triển	417	6.036.174.033	-	(6.036.174.033)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	16.329.365.043	16.329.365.043
Quỹ dự phòng tài chính	418	10.293.191.010	-	(10.293.191.010)
<b>Cộng</b>		<b>16.329.365.043</b>	<b>16.329.365.043</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2014	Năm 2014 trình bày lại	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.656	2.676	(980)

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên

Giám đốc điều hành



Phạm Quang Hòa

TH